HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23 /2023/NQ-HĐND	*Phú Yên, ngày 09 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 201/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này Quy định mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 09 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên quy định mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Viện KSND, TAND, Cục THADS tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Phú Yên, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Cao Thị Hòa An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 23./2023/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Nội dung và mức thu lệ phí

1. Đối tượng nộp lệ phí

Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp miễn nộp lệ phí

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Đăng ký khai sinh đúng hạn, khai tử đúng hạn; đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ; đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú trong nước, thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

3. Cơ quan thu lệ phí

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

4. Mức thu lệ phí đối với thực hiện dịch vụ công trực tiếp

TT	Danh mục lệ phí	Mức thu (đồng/trường hợp)
I	**Lệ phí hộ tịch tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn**	
1	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	8.000

TT	Danh mục lệ phí	Mức thu (đồng/trường hợp)
2	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử)	5.000
3	Đăng ký lại kết hôn	30.000
4	Nhận cha, mẹ, con	10.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước	10.000
6	Bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	10.000
7	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	5.000
8	Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác	5.000
9	Đăng ký hộ tịch khác	5.000
II	**Lệ phí hộ tịch tại Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố**	
1	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	50.000
2	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử)	50.000
3	Kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn)	1.000.000
4	Giám hộ, chấm dứt giám hộ	50.000
5	Nhận cha, mẹ, con	1.500.000
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người đủ 14 tuổi trở lên cư trú trong nước	25.000
7	Xác định lại dân tộc	25.000
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	25.000
9	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	50.000
10	Đăng ký hộ tịch khác	50.000

5. Kể từ ngày nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025: Mức thu lệ phí đối với thực hiện dịch vụ công trên cổng dịch vụ công trực tuyến bằng 50% mức thu quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Quản lý lệ phí

a) Lệ phí hộ tịch là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, nộp toàn bộ 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Cơ quan thu lệ phí thực hiện kê khai, quyết toán, nộp lệ phí theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

b) Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định./.